

TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 08 năm 2016

Số: 703/2016/CV-CK-SGW.FI

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC riêng đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, Tòa nhà 60NDC, Số 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Điện thoại (+848) 62918483

Fax: (+848) 62918489

Mã chứng khoán: SII

Chênh lệch số liệu trên Báo cáo Lưu Chuyển Tiền tệ:

| Chi tiêu | Mã số | Đơn vị tính: VND | | |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | | Số liệu trước kiểm toán | Số liệu sau kiểm toán | Chênh lệch |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (27.223.647.806) | (48.193.890.569) | (20.970.242.763) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 23.600.345.597 | (366.455.144) | (23.966.800.741) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (1.439.444.444) | (1.889.444.444) | (450.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (34.623.543.181) | (80.010.586.685) | (45.387.043.504) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (111.092.154.373) | (63.555.110.869) | 47.537.043.504 |
| 3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (168.400.000.000) | - | 168.400.000.000 |
| đơn vị khác | 24 | 167.950.000.000 | - | (167.950.000.000) |
| 6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 31.748.744.000 | 44.008.160.000 | 12.259.416.000 |
| 7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 128.055.706.222 | 8.696.290.222 | (119.359.416.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 40.919.995.849 | (18.192.960.647) | (59.112.956.496) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 4.Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (164.500.000.000) | (60.000.000.000) | 104.500.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (164.500.000.000) | (60.000.000.000) | 104.500.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (158.203.547.332) | (158.203.547.332) | - |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 275.715.059.972 | 275.715.059.972 | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 117.511.512.640 | 117.511.512.640 | - |

Nguyên nhân chênh lệch:

Tại thời điểm Công ty Cổ Phần Hạ Tầng nước Sài Gòn công bố BCTC Quý 2 năm 2016 do công ty lập thì chưa có kiểm toán.

Tại thời điểm kiểm toán, quan điểm của kiểm toán cho rằng phải phân loại lại các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động. Công ty nhận thấy quan



điểm của kiểm toán là hợp lý nên đã thực hiện phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng lưu chuyển tiền tệ nên có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán nêu trên.

Việc phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng lưu chuyển tiền tệ nêu trên không làm ảnh hưởng đến số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Khắc Hoàn



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 36 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------------------|--|
| Ông Lê Vũ Hoàng | Chủ tịch |
| Bà Giao Thị Yến | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm | Thành viên |
| Ông Trương Khắc Hoàn | Thành viên |
| Ông Luis Juan Belisario Oreta | Thành viên |
| Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr | Thành viên |
| Bà Đặng Thị Thanh Hải | Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------------|-------------------|
| Ông Trương Khắc Hoàn | Tổng Giám đốc |
| Bà Giao Thị Yến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ronnie D.Lim | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2016

454-
TY
ÁN
NƯỚC
ÒN
Ồ CHÍM



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 12.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lương Xuân Trường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1741-2013-072-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 676.078.578.999 | 821.893.815.126 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 117.511.512.640 | 275.715.059.972 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.511.512.640 | 275.715.059.972 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 116.000.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 425.635.020.145 | 423.161.723.909 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 1.940.926.323 | 1.051.121.005 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 31.660.555.922 | 54.810.772.398 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 7 | 95.918.080.000 | 95.918.080.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8.a | 296.156.604.135 | 271.422.896.741 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (41.146.235) | (41.146.235) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 2.903.980.264 | 1.218.773.956 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.903.980.264 | 1.218.773.956 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 130.028.065.950 | 121.798.257.289 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 145.653.609 | 174.308.500 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 129.882.412.341 | 121.623.948.789 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.149.596.995.517 | 2.029.110.840.628 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 104.180.656.175 | 71.930.656.175 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8.b | 104.180.656.175 | 71.930.656.175 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.924.005.200 | 1.679.445.915 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 2.924.005.200 | 1.679.445.915 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.759.688.549 | 3.175.943.098 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.835.683.349) | (1.496.497.183) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.335.769.331.035 | 1.224.761.039.263 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 11 | 1.335.769.331.035 | 1.224.761.039.263 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 12 | 706.096.695.000 | 730.503.139.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 12.a | 490.079.000.000 | 482.736.700.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 12.b | 21.435.500.000 | 53.184.244.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 12.c | 194.582.195.000 | 194.582.195.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 626.308.107 | 236.560.275 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 626.308.107 | 236.560.275 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.825.675.574.516 | 2.851.004.655.754 |

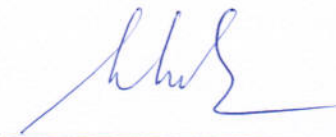
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.916.386.696.738 | 2.070.383.731.885 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 45.456.696.738 | 199.953.731.885 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 27.590.630.224 | 22.824.345.928 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 14 | 177.799.004 | 183.904.674 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 22.750.000 | 339.000.000 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 11.840.337.333 | 8.905.889.639 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16.a | 1.159.740.350 | 3.046.478.879 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 17.a | - | 164.500.000.000 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4.665.439.827 | 154.112.765 |
| | | | | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.870.930.000.000 | 1.870.430.000.000 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 18 | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 16.b | 630.000.000.000 | 629.500.000.000 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 17.b | 640.930.000.000 | 640.930.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 909.288.877.778 | 780.620.923.869 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 909.288.877.778 | 780.620.923.869 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 583.700.000.000 | 583.700.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 583.700.000.000 | 583.700.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 119.923.034.000 | 119.923.034.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.292.910.776 | 2.342.139.270 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 197.372.933.002 | 74.655.750.599 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 62.751.207.587 | 63.343.693.624 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 134.618.725.415 | 11.312.056.975 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.825.675.574.516 | 2.851.004.655.754 |



Trần Thị Ngọc Loan
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàng
 Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 |
|---|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 3.968.938.874 | 465.173.409 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 3.968.938.874 | 465.173.409 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 21 | 3.747.834.701 | 286.509.768 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 221.104.173 | 178.663.641 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 143.813.701.054 | 8.101.475.267 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 2.255.110.652 | 482.568.838 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.188.888.888 | 480.000.000 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 24 | 1.417.944.905 | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 5.743.024.495 | 6.239.298.418 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 134.618.725.175 | 1.558.271.652 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 93.383.876 | 20.500.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 93.383.636 | 20.144.320 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 240 | 355.680 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 134.618.725.415 | 1.558.627.332 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 26 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 134.618.725.415 | 1.558.627.332 |



Trần Thị Ngọc Loan
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

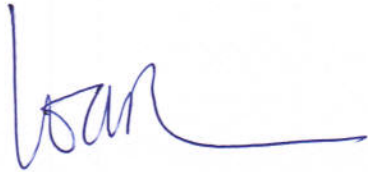
MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 134.618.725.415 | 1.558.627.332 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 339.186.166 | 168.867.984 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | (100.000.000) |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (143.813.701.054) | (8.101.475.267) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 2.188.888.888 | 480.000.000 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (6.666.900.585) | (5.993.979.951) |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (48.193.890.569) | (12.932.383.366) |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (1.685.206.308) | (898.979.596) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (366.455.144) | 9.596.039.306 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | (361.092.941) | 289.698.429 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (20.847.596.694) | (480.000.000) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (1.889.444.444) | (638.900.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (80.010.586.685) | (11.058.505.178) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (63.555.110.869) | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (95.918.080.000) |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (7.342.300.000) | (83.346.300.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 44.008.160.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 8.696.290.222 | 7.159.097.074 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (18.192.960.647) | (172.105.282.926) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | 60.000.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (60.000.000.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (60.000.000.000) | 60.000.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (158.203.547.332) | (123.163.788.104) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 275.715.059.972 | 128.800.461.557 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 117.511.512.640 | 5.636.673.453 |

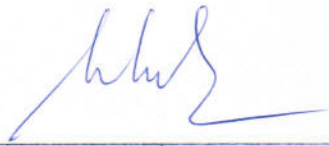
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty được chia cổ tức với số tiền là 107,1 tỷ đồng từ công ty con là Công ty CP Kỹ thuật Enviro, khoản tiền này được bù trừ một phần với khoản tiền vay 104,5 tỷ đồng của Công ty và một phần với số dư tiền lãi phải trả. Do đó, “Dòng tiền số thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia” mã số 27 và “Dòng tiền trả nợ gốc vay” mã số 34 bị giảm đi tương ứng một khoản tiền 104,5 tỷ đồng.



Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty là 583.700.000.000 VND, được chia thành 58.370.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ sở hữu là 55,94%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính) và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động Chính trong kỳ của Công ty là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ

Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 3.374.000 cổ phần đang nắm giữ trong Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An trị giá 31.784.744.000 VND.

Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê ngày 9 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ 40.000.000.000 VND, với tỷ lệ vốn đăng ký góp là 51% vốn điều lệ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Thông tin về công ty con

| Tên Công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|---------------|--------------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia | Tỉnh Lâm Đồng Thành phố | 90% | 90% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro | Hồ Chí Minh Thành phố | 85% | 85% | Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước |
| Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ (i) | Hồ Chí Minh | 100% | 77% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước. |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | Tỉnh Gia Lai | 55% | 55% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |
| Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á | Thành phố Hồ Chí Minh | 51% | 51% | Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước |
| Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi | Thành phố Hồ Chí Minh | 50,98% | 50,98% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (i) | Tỉnh Gia Lai | 0% | 51% | Khai thác, xử lý và cung cấp nước. |

(i) Các công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

Thông tin về Công ty liên kết

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|----------------------------------|----------------------------|---------------|--------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa | Thành Phố Hồ Chí Minh | 28,66% | 28,66% | Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3034
CÔNG
CỔ P
TẮC
ÀI (C
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký quỹ, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

764
CÔNG TY
HÀNG
NƯỚC
SÀI GÒN
SỞ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại ngày báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm
6 - 10
3 - 5

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 187.318.173 | 1.125.782.631 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.324.194.467 | 274.589.277.341 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 116.000.000.000 | - |
| Cộng | 117.511.512.640 | 275.715.059.972 |

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi | 1.674.234.705 | 564.788.540 |
| Ban Quản lý Nhà máy nước Thị xã An Khê | 225.545.383 | - |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | - | 445.186.230 |
| Các khoản phải thu khác | 41.146.235 | 41.146.235 |
| Cộng | 1.940.926.323 | 1.051.121.005 |
| <i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i> | - | 445.186.230 |
| Phải thu công ty con - Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | - | 445.186.230 |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI HẠN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII | 29.749.849.381 | 45.308.764.541 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt | 662.385.003 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng | 507.703.608 | - |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước | - | 3.239.093.457 |
| Các đối tượng khác | 740.617.930 | 6.262.914.400 |
| Cộng | 31.660.555.922 | 54.810.772.398 |
| <i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i> | 29.749.849.381 | 45.308.764.541 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII - Có cùng công ty mẹ | 29.749.849.381 | 45.308.764.541 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Phải thu công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (i) | 95.918.080.000 | 95.918.080.000 |

(i) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 8 tháng 5 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ký ngày 1 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro vay nhằm mục đích tái cơ cấu vốn, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng đáo hạn khi một trong hai bên có yêu cầu thanh lý hợp đồng nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng.

8. PHẢI THU KHÁC

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>a. Phải thu ngắn hạn khác</i> | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i) | 275.528.709.528 | 259.770.714.696 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro - phải thu tiền lãi cho vay | 9.946.959.662 | 5.150.937.022 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia | 450.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông - phải thu các khoản chi hộ | 4.744.172.038 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc - phải thu các khoản chi hộ | 89.050.000 | - |
| Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á - phải thu các khoản chi hộ | - | 686.699.310 |
| Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ - phải thu các khoản chi hộ | - | 211.668.353 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 4.597.712.907 | 4.802.877.360 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 800.000.000 | 800.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | - | - |
| Cộng | 296.156.604.135 | 271.422.896.741 |

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bao gồm:

- Phải thu từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside với giá trị là 257.115.114.974 VND.
- Phải thu lãi được chia từ khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside là 15.757.994.832 VND.
- Phải thu từ việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp và quyền góp vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận cho CII là 2.655.599.722 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| <i>b. Phải thu dài hạn khác</i> | | |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | | |
| + Đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp (ii) | 103.807.351.111 | 71.557.351.111 |
| + Đặt cọc tiền thuê văn phòng | 373.305.064 | 373.305.064 |
| Cộng | 104.180.656.175 | 71.930.656.175 |
| <i>Trong đó, Phải thu khác với bên liên quan</i> | <i>285.475.669.190</i> | <i>265.820.019.381</i> |
| Phải thu Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 275.528.709.528 | 259.770.714.696 |
| Phải thu Công ty con - Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á | - | 686.699.310 |
| Phải thu Công ty con - Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ | - | 211.668.353 |
| Phải thu Công ty con - Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro | 9.946.959.662 | 5.150.937.022 |

(ii) Khoản đặt cọc tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp được thực hiện theo hợp đồng khung số 02/2014/HĐ - SGW.BD ký ngày 13 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Công ty phải đặt cọc cho CII tổng số tiền là 103.200.000.000 VND, giải ngân theo từng đợt góp vốn của CII vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp. Mục đích của khoản đặt cọc này là sau khi việc góp vốn của CII vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp hoàn thành, CII sẽ chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương đương với 43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp cho Công ty. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình đặt cọc theo tiến độ góp vốn của CII.

9. HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 1.652.634.665 | - | - | - |
| Công cụ, dụng cụ | 46.085.003 | - | - | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1.108.345.296 | - | 1.121.858.656 | - |
| + Dự án giám sát thoát mạng lưới cấp nước Tp. Tân An - tỉnh Long An | 988.345.296 | - | 988.345.296 | - |
| + Dự án xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp giai đoạn 9 - công suất 300.000m ³ /ngày | 120.000.000 | - | 133.513.360 | - |
| Hàng hóa | 96.915.300 | - | 96.915.300 | - |
| Cộng | 2.903.980.264 | - | 1.218.773.956 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|---|-------------------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 3.145.943.098 | 30.000.000 | 3.175.943.098 |
| Mua trong kỳ | 1.583.745.451 | - | 1.583.745.451 |
| Tại ngày 30/06/2016 | 4.729.688.549 | 30.000.000 | 4.759.688.549 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 1.466.497.183 | 30.000.000 | 1.496.497.183 |
| Khấu hao trong kỳ | 339.186.166 | - | 339.186.166 |
| Tại ngày 30/06/2016 | 1.805.683.349 | 30.000.000 | 1.835.683.349 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 1.679.445.915 | - | 1.679.445.915 |
| Tại ngày 30/06/2016 | 2.924.005.200 | - | 2.924.005.200 |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 30.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 30.000.000 VND).

11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i) | 1.331.066.779.126 | 1.224.761.039.263 |
| Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện An Khê (ii) | 4.702.551.909 | - |
| Cộng | 1.335.769.331.035 | 1.224.761.039.263 |

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 Xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662.000.000.000 VND, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600.000.000.000 VND được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 1.004.305.295.507 VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh tại thuyết minh số 17, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11.

(ii) Dự án Đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn Thị xã An Khê và vùng phụ cận tỉnh Gia Lai, công suất 9.300 m³/ngày đêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty con

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|--|------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro | 2.550.000.000 | - | (i) | 2.550.000.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | 49.500.000.000 | - | (i) | 43.312.700.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa | 105.000.000.000 | - | (i) | 105.000.000.000 | - | (i) |
| Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi | 321.174.000.000 | - | (i) | 321.174.000.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ | 1.655.000.000 | - | (i) | 500.000.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á | 10.200.000.000 | - | (i) | 10.200.000.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (*) | - | - | (i) | - | - | (i) |
| Cộng | 490.079.000.000 | - | | 482.736.700.000 | - | |

(*) Mặc dù Công ty sở hữu 51% quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê theo biên bản góp vốn, nhưng đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty con này.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| Công ty liên kết vào Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa | 21.435.500.000 | - | (i) | 21.435.500.000 | - | (i) |
| Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An (*) | - | - | (i) | 31.748.744.000 | - | (i) |
| Cộng | 21.435.500.000 | - | | 53.184.244.000 | - | |

(*) Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 3.374.000 cổ phần đang nắm giữ trong Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An trị giá 31.784.744.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

c. Đầu tư vào đơn vị khác

| | 30/06/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|--|------------------------|----------|----------------|------------------------|----------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Công ty BOO Nước Thủ Đức | 143.153.395.000 | - | (i) | 143.153.395.000 | - | (i) |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ | 51.284.800.000 | - | (i) | 51.284.800.000 | - | (i) |
| Đầu tư vốn vào đơn vị khác | 144.000.000 | - | (i) | 144.000.000 | - | (i) |
| Cộng | 194.582.195.000 | - | | 194.582.195.000 | - | |

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc | 21.476.443.397 | 21.476.443.397 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước | 4.708.853.374 | - |
| Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng Nước Châu Á - Công ty con | 591.250.000 | 902.750.001 |
| Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi - Công ty con | - | 194.810.000 |
| Các đối tượng khác | 814.083.453 | 250.342.530 |
| Cộng | 27.590.630.224 | 22.824.345.928 |

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2016 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 30/06/2016 |
|-------------------------------|--------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 41.392 | - | - | 41.392 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 153.182.516 | 544.256.849 | 618.817.507 | 78.621.858 |
| Thuế tài nguyên | 6.831.333 | 95.549.865 | 77.959.233 | 24.421.965 |
| Thuế và phí nước thô | 23.849.433 | 318.499.550 | 267.635.194 | 74.713.789 |
| Cộng | 183.904.674 | 958.306.264 | 964.411.934 | 177.799.004 |

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí lãi vay - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 | 10.340.337.333 | 8.905.889.639 |
| Các khoản trích trước khác | 1.500.000.000 | - |
| Cộng | 11.840.337.333 | 8.905.889.639 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Ngắn hạn

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 833.789.000 | 833.789.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 309.451.350 | 27.939.879 |
| Cổ tức phải trả | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro - Phải trả tiền lãi vay | - | 2.168.250.000 |
| Cộng | 1.159.740.350 | 3.046.478.879 |
| <i>Trong đó, Phải trả khác các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>2.168.250.000</i> |
| Phải trả Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro - Công ty con | - | 2.168.250.000 |

b. Dài hạn

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi - Công ty Con - Đầu tư vào dự án Củ Chi | 630.000.000.000 | 629.500.000.000 |

Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận như đã trình bày tại Thuyết minh số 12. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Công ty và Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi được phân chia lợi nhuận từ dự án với tỷ lệ lần lượt là 0,1% và 99,9%. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MAU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

| | 01/01/2016 | | Phát sinh trong năm | | 30/06/2016 | |
|---|------------------------|-------------------------------------|---------------------|------------------------|----------------|-------------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng thanh toán VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng thanh toán VND |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Công ty con) | 104.500.000.000 | 104.500.000.000 | - | 104.500.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | - | 60.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 164.500.000.000 | 164.500.000.000 | - | 164.500.000.000 | - | - |

b. Dài hạn

| | 01/01/2016 | | Phát sinh trong năm | | 30/06/2016 | |
|--|-----------------|-------------------------------------|---------------------|-------------|-----------------|-------------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng thanh toán VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng thanh toán VND |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 (i) | 640.930.000.000 | 640.930.000.000 | - | - | 640.930.000.000 | - |

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 30/06/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm | - | - |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 252.169.180.328 | 252.169.180.328 |
| Sau năm năm | 388.760.819.672 | 388.760.819.672 |
| Cộng | 640.930.000.000 | 640.930.000.000 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | - | - |
| Số phải trả sau 12 tháng | 640.930.000.000 | 640.930.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MAU SỐ B 09a-DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

Số dư khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là số tiền mà Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại ngày 01/01/2015 | 583.700.000.000 | 119.923.034.000 | 1.667.578.270 | 64.692.815.624 | 769.983.427.894 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 11.312.056.975 | 11.312.056.975 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 674.561.000 | (674.561.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (674.561.000) | (674.561.000) |
| Số dư tại ngày 01/01/2016 | 583.700.000.000 | 119.923.034.000 | 2.342.139.270 | 74.655.750.599 | 780.620.923.869 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | 134.618.725.415 | 134.618.725.415 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 5.950.771.506 | (5.950.771.506) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (5.950.771.506) | (5.950.771.506) |
| Số dư tại ngày 30/06/2016 | 583.700.000.000 | 119.923.034.000 | 8.292.910.776 | 197.372.933.002 | 909.288.877.778 |

Tại ngày 22 tháng 4 năm 2016, đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015. Theo đó, Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và không chia cổ tức năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------|------------|
| | Cổ phần | Cổ phần |
| Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 58.370.000 | 58.370.000 |
| + Cổ phần phổ thông | - | - |
| + Cổ phần ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 58.370.000 | 58.370.000 |
| + Cổ phần phổ thông | - | - |
| + Cổ phần ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá Cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần. | | |

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

| | 30/06/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|-------------|------------------------|-------------|------------------------|
| | Tỷ lệ | Vốn đã góp VND | Tỷ lệ | Vốn đã góp VND |
| Công ty mẹ - Công ty Cổ phần | | | | |
| Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 55,94% | 326.521.780.000 | 49,13% | 286.771.810.000 |
| Các cổ đông khác | 44,06% | 257.178.220.000 | 50,87% | 296.928.190.000 |
| Cộng | 100% | 583.700.000.000 | 100% | 583.700.000.000 |

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu cung cấp nước sạch | 3.791.557.056 | - |
| Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch | 177.381.818 | 465.173.409 |
| Cộng | 3.968.938.874 | 465.173.409 |
| <i>Trong đó, doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i> | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | - | 346.163.409 |
| Cộng | - | 346.163.409 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|---|--|--|
| Giá vốn cung cấp nước sạch | 3.614.321.341 | - |
| Giá vốn hoạt động tư vấn | 133.513.360 | 286.509.768 |
| Cộng | 3.747.834.701 | 286.509.768 |
| <i>Trong đó, giá vốn từ việc cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i> | - | 286.509.768 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | - | 286.509.768 |

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|---|--|--|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 123.861.024.832 | 4.624.438.848 |
| Lãi từ thanh lý cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An | 12.259.416.000 | - |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 7.693.260.222 | 3.477.036.419 |
| Cộng | 143.813.701.054 | 8.101.475.267 |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|-----------------------------------|--|--|
| Chi phí lãi vay | 2.188.888.888 | 480.000.000 |
| Chi phí tài chính khác | 66.221.764 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 2.568.838 |
| Cộng | 2.255.110.652 | 482.568.838 |

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|---|--|--|
| Chi phí lương và các khoản trích theo lương | 1.278.825.985 | - |
| Các khoản chi phí khác | 139.118.920 | - |
| Cộng | 1.417.944.905 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|---|--|--|
| Chi phí lương và các khoản trích theo lương | 2.839.922.991 | 4.027.940.715 |
| Các khoản chi phí khác | 2.903.101.504 | 2.311.357.703 |
| Hoàn nhập khoản dự phòng phải thu trong kỳ | - | (100.000.000) |
| Cộng | 5.743.024.495 | 6.239.298.418 |

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|---|--|--|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 134.618.725.415 | 1.558.627.332 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (123.861.024.832) | (4.624.438.848) |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | (123.861.024.832) | (4.624.438.848) |
| Thu nhập chịu thuế | 10.757.700.583 | (3.065.811.516) |
| Lỗi tính thuế mang sang | (10.757.700.583) | - |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

Từ 1 tháng 1 năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong kỳ Công ty không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do Công ty không có thu nhập tính thuế.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay và nợ thuê tài chính | 640.930.000.000 | 805.430.000.000 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (117.511.512.640) | (275.715.059.972) |
| Nợ thuần | 523.418.487.360 | 529.714.940.028 |
| Vốn chủ sở hữu | 909.288.877.778 | 780.620.923.869 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 57,56% | 67,86% |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 117.511.512.640 | 275.715.059.972 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 493.557.407.491 | 435.478.730.326 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 706.096.695.000 | 730.503.139.000 |
| Các khoản ký quỹ | 104.980.656.175 | 72.730.656.175 |
| Cộng | 1.422.146.271.306 | 1.514.427.585.473 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Các khoản vay | 640.930.000.000 | 805.430.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 658.750.370.574 | 655.370.824.807 |
| Chi phí phải trả | 11.840.337.333 | 8.905.889.639 |
| Cộng | 1.311.520.707.907 | 1.469.706.714.446 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Sau 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tại ngày 30/06/2016 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 117.511.512.640 | - | - | 117.511.512.640 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 493.557.407.491 | - | - | 493.557.407.491 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | 706.096.695.000 | 706.096.695.000 |
| Các khoản ký quỹ | 800.000.000 | 104.180.656.175 | - | 104.980.656.175 |
| Cộng | 611.868.920.131 | 104.180.656.175 | 706.096.695.000 | 1.422.146.271.306 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản vay | - | 252.169.180.328 | 388.760.819.672 | 640.930.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 28.750.370.574 | 630.000.000.000 | - | 658.750.370.574 |
| Chi phí phải trả | 11.840.337.333 | - | - | 11.840.337.333 |
| Dự phòng phải trả | - | - | - | - |
| Cộng | 40.590.707.907 | 882.169.180.328 | 388.760.819.672 | 1.311.520.707.907 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 571.278.212.224 | (777.988.524.153) | 317.335.875.328 | 110.625.563.399 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 275.715.059.972 | - | - | 275.715.059.972 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 435.478.730.326 | - | - | 435.478.730.326 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | - | 730.503.139.000 | 730.503.139.000 |
| Các khoản ký quỹ | 800.000.000 | 71.930.656.175 | - | 72.730.656.175 |
| Cộng | 711.993.790.298 | 71.930.656.175 | 730.503.139.000 | 1.514.427.585.473 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Các khoản vay | 805.430.000.000 | - | - | 805.430.000.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 655.370.824.807 | - | - | 655.370.824.807 |
| Chi phí phải trả | 8.905.889.639 | - | - | 8.905.889.639 |
| Công nợ tài chính khác | - | - | - | - |
| Cộng | 1.469.706.714.446 | - | - | 1.469.706.714.446 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (757.712.924.148) | 71.930.656.175 | 730.503.139.000 | 44.720.871.027 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

| | |
|------------------------------|--|
| Bộ phận tư vấn, thi công | : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường. |
| Bộ phận kinh doanh nước sạch | : Cung cấp nước sạch |
| Bộ phận đầu tư tài chính | : Hoạt động tài chính. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016:

| Chỉ tiêu | Tư vấn, thi công công trình VND | Đầu tư tài chính VND | Kinh doanh nước sạch VND | Tổng cộng VND |
|---|---------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Doanh thu | | | | |
| Doanh thu cung cấp ra bên ngoài | 177.381.818 | - | 3.791.557.056 | 3.968.938.874 |
| Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính | - | 143.813.701.054 | - | 143.813.701.054 |
| Doanh thu nội bộ | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu | 177.381.818 | 143.813.701.054 | 3.791.557.056 | 147.782.639.928 |
| Chi phí | | | | |
| Chi phí giá vốn | 133.513.360 | - | 3.614.321.341 | 3.747.834.701 |
| Chi phí tài chính | - | 2.255.110.652 | - | 2.255.110.652 |
| Tổng chi phí | 133.513.360 | 2.255.110.652 | 3.614.321.341 | 6.002.945.353 |
| Kết quả kinh doanh bộ phận | 43.868.458 | 141.558.590.402 | 177.235.715 | 141.779.694.575 |
| Chi phí bán hàng | | | | 1.417.944.905 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | 5.743.024.495 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | | | | 134.618.725.175 |
| Thu nhập khác | | | | 93.383.876 |
| Chi phí khác | | | | 93.383.636 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | - |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | | | | 134.618.725.415 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku | Công ty con |
| Công ty Cổ phần giải pháp mạng nước Châu Á | Công ty con |
| Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi | Công ty con |
| Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Đankia | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII | Chung công ty mẹ |

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | Mối quan hệ | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 |
|---|-------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Enviro -Thi công, lắp đặt, vận hành ... công trình cải tạo hệ thống xử lý, cải thiện chất lượng nhà máy nước thị xã An Khê | Công ty con | 4.226.961.000 |
| Công ty CP Giải Pháp Mạng Nước Châu Á - cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho dự án Củ Chi | Công ty con | 1.075.000.001 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Lợi nhuận được chia | Công ty mẹ | 15.757.994.832 |

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cho vay | | |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro | 95.918.080.000 | 95.918.080.000 |
| Các khoản phải thu khác | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 275.528.709.528 | 259.770.714.696 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro | 9.946.959.662 | 5.150.937.022 |
| Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - Cần Thơ | - | 211.668.353 |
| Công ty Cổ phần Giải Pháp Mạng nước Châu Á | - | 686.699.310 |
| Cộng | 285.475.669.190 | 265.820.019.381 |
| | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Các khoản trả trước cho nhà cung cấp | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII - Có cùng công ty mẹ | 29.749.849.381 | 45.308.764.541 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

| | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|-----------------|--|--|
| Lương và thưởng | 1.532.491.154 | 966.076.923 |

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

Trần Thị Ngọc Loan
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc